

QUYỀN TỰ DO KINH DOANH CỦA CÔNG DÂN TRONG NHÀ NƯỚC THUẾ

*Nguyễn Đức Minh**

1. Sự phát triển của hoạt động lập pháp ở nước ta trong quy định về quyền tự do kinh doanh

Ở nước ta, chỉ đến năm 1990 quyền tự do kinh doanh của công dân mới chính thức được thừa nhận trong pháp luật cùng với sự ra đời của Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty¹. Sau đó, năm 1992 quyền tự do kinh doanh được đưa vào hiến pháp (Điều 57)². Như vậy, về phương diện pháp lý, quyền tự do kinh doanh của công dân ở nước ta ra đời muộn hơn so với quyền tự do kinh doanh của công dân ở những nước phát triển kinh tế thị trường dựa trên nền tảng sở hữu tư nhân và muộn hơn so với các quyền công dân khác hiện hữu trong hiến pháp³. Quyền tự do kinh doanh của công dân được thừa nhận trong hiến pháp không phải là kết quả đấu tranh của người dân hay của tầng lớp thương gia, mà là sản phẩm của quá trình tự nhận thức và đổi mới nhận thức, là sự thể chế hóa và phản ánh đường lối đổi mới cơ chế quản lý và chính sách kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, nó cũng là kết quả của sự khám phá, phát hiện nhu cầu và giá trị xã hội của tự do kinh doanh với tư cách là quyền và nghĩa vụ để thể chế hóa và ghi nhận nó trong hiến pháp và các đạo luật. Trong nền kinh tế kế hoạch hóa với cách

thức quản lý kinh tế bằng cơ chế tập trung, bao cấp cùng với quan niệm tuyệt đối hóa sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất và nhận thức giáo điều, duy ý chí về vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân của kinh tế nhà nước nên quyền tự do kinh doanh của công dân không được thừa nhận. Sự ra đời và ghi nhận quyền tự do kinh doanh của công dân trong hiến pháp và pháp luật ở nước ta là kết quả đổi mới nhận thức và tư duy quản lý kinh tế và bắt nguồn từ những tiền đề tư tưởng và chính trị hình thành trong quá trình đổi mới. Công cuộc đổi mới ở nước ta bắt đầu từ những cải cách kinh tế. Các cuộc thử nghiệm đầu tiên trong cải cách kinh tế được tiến hành đối với khu vực kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể cùng với chính sách khoán sản phẩm đến hộ gia đình nông dân trong các hợp tác xã nông nghiệp và mở rộng quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh. Đây chính là quá trình “cởi trói”, tháo gỡ các “rào cản” trong cơ chế và thể chế để giải phóng các nguồn lực phát triển của đất nước⁴. Nhận thức về đổi mới đã từng bước được củng cố, bổ sung qua sự phát triển của thực tiễn. Từ nhận thức và tư tưởng chủ đạo trong đường lối phát triển kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác có hiệu quả tiềm năng của đất nước, nhất là nguồn lực con người, chúng ta đã khẳng định sự tồn tại tất yếu trong thời kỳ quá độ của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, với nhiều hình thức sở hữu đa dạng, hỗn hợp⁵. Đây chính là những tiền đề tư tưởng và

* TS. Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.

¹ Xem Điều 3 Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990 và Điều 4 Luật Công ty năm 1990.

² Quy định về quyền tự do kinh doanh của Điều 57 Hiến pháp năm 1992 là điểm mới của Hiến pháp năm 1992 so với các Hiến pháp trước đây. So sánh: Đại học Huế, Trung tâm Đào tạo từ xa, Võ Khánh Vinh (Chủ biên), Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam. Công an nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 217-218.

³ Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi, bổ sung gắn đây nhất vào năm 2001. Liên quan đến Chương V (Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân) Hiến pháp chỉ có một số sửa đổi, bổ sung về quyền học tập của công dân mà không quy định thêm quyền cơ bản của công dân.

⁴ Về sự ra đời của đường lối đổi mới ở nước ta xem thêm bài của nguyên Chủ tịch nước Trần Đức Lương “Đổi mới - Sự lựa chọn đúng đắn vì mục tiêu phát triển hiện đại của Việt Nam”, trên trang điện tử của Bộ Ngoại giao http://www.mofa.gov.vn/vi/cs_doingoai/cs/ns04081808401042 lấy về ngày 12/3/2009.

⁵ Xem thêm bài viết: “Công cuộc đổi mới ở Việt Nam - Thành tựu và những bài học kinh nghiệm”, đăng trên

chính trị quan trọng dẫn đến sự ra đời và ghi nhận quyền tự do kinh doanh của công dân trong hiến pháp và pháp luật. Sự bổ sung thêm quyền tự do kinh doanh của công dân trong Hiến pháp năm 1992 đã phản ánh rất rõ những tiến bộ trong hoạt động lập pháp và trong phát triển, hoàn thiện cơ sở pháp lý bảo đảm quyền con người.

2. Sự cụ thể hóa quyền tự do kinh doanh trong pháp luật quốc gia

Trong khoa học pháp lý hiến pháp của nước ta quyền tự do kinh doanh được xếp vào nhóm quyền về kinh tế⁶. Quy định về quyền tự do kinh doanh của Điều 57 Hiến pháp 1992 có liên quan chặt chẽ đến các quy định khác của Chương II về Chế độ kinh tế. Đó là các quy định về sự tồn tại của sở hữu tư nhân (Điều 15), về quyền lựa chọn hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, được thành lập doanh nghiệp không bị hạn chế về quy mô hoạt động của kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân (Điều 21), về bảo đảm quyền sở hữu hợp pháp đối với vốn, tài sản và các quyền lợi khác của các nhà đầu tư là cá nhân hay tổ chức trong nước và nước ngoài (Điều 23 và 25).

Quyền tự do kinh doanh của công dân không chỉ được quy định trong hiến pháp mà còn được cụ thể hóa trong các đạo luật và văn bản dưới luật. Tuy nhiên, có một sự không bình thường trong hoạt động lập pháp liên quan đến quyền tự do kinh doanh ở nước ta trong giai đoạn đầu đổi mới là sự đi trước, dẫn đường của luật so với hiến pháp. Như đã đề cập ở trên, quyền tự do kinh doanh được quy định trong luật trước khi được ghi nhận trong hiến pháp. Một đặc điểm khác trong hoạt động lập pháp liên quan đến quyền tự do kinh doanh là quyền này được quy định trong hiến pháp chỉ mang tính nguyên tắc. Để thực hiện được quyền này thì Nhà nước đã phải ban hành nhiều luật và văn bản dưới

luật để cụ thể hóa và chính những văn bản này mới tạo ra cơ sở pháp lý đầy đủ hơn cho người dân thực hiện quyền của mình và mang lại giá trị thực của quyền tự do kinh doanh. Tuy nhiên, quá trình cụ thể hóa nguyên tắc hiến định về quyền tự do kinh doanh cũng là quá trình hoàn thiện nhận thức và thậm chí để có được quyền tự do kinh doanh với đầy đủ ý nghĩa của nó thì còn có cả sự đấu tranh tư tưởng chống lại những tác động tiêu cực và sự níu kéo của cơ chế cũ. Trong quản lý và trong khoa học, có lẽ người ta đều nhận thức được rằng quyền tự do kinh doanh cần phải chứa đựng và phản ánh sự tự do của công dân trong lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, cạnh tranh trong một môi trường kinh doanh lành mạnh, tiến hành các hoạt động thương mại, tự do ký kết hợp đồng với các điều khoản giao dịch không bị kiểm soát bởi cơ quan nhà nước, tự quyết định kế hoạch sản xuất, kinh doanh, giá cả, liên kết kinh doanh, tuyển dụng và sử dụng lao động .v.v. Ngoài ra, quyền tự do kinh doanh còn bao hàm cả quyền sở hữu và sự bảo đảm đối với tài sản (có được một cách hợp pháp). Tuy nhiên, trong thực tiễn xây dựng pháp luật về quyền tự do kinh doanh ở nước ta chúng ta vẫn thấy có những giai đoạn mà ở đó vẫn có sự phân chia khu vực điều chỉnh và sự phân định ranh giới đó không dựa trên tính chất của quan hệ được điều chỉnh mà theo mục đích của nhà quản lý, chẳng hạn sự phân biệt giữa Bộ luật Dân sự và Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế trong điều chỉnh các quan hệ hợp đồng. Hoặc ví dụ khác đối với sự gia nhập thị trường của doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp hiện hành là sản phẩm hợp nhất của Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân và là kết quả của sự sửa đổi, bổ sung của Luật Doanh nghiệp năm 1999. Quá trình hoàn thiện đạo luật này cũng là quá trình đấu tranh xóa bỏ những rào cản của các “giấy phép con”- giấy chứng nhận điều kiện hành nghề - cải cách thủ tục hành chính rườm rà, quan liêu trong xin phép thành lập và đăng ký kinh doanh.

Để cụ thể hóa quyền tự do kinh doanh, từ khi ban hành Hiến pháp năm 1992 đến nay

Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam
http://www.cpv.org.vn/print_preview.asp?id=BT1820-582886 lấy về ngày 12/3/2009.

⁶ Đại học Huế, Trung tâm Đào tạo từ xa, Võ Khánh Vinh (Chủ biên), Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, tài liệu đã dẫn ở trên, tr. 234.

Quốc hội đã ban hành nhiều đạo luật như: Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Bộ luật Lao động, Luật Doanh nghiệp nhà nước, Bộ luật Dân sự, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật Hợp tác xã, Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp v.v.⁷. Đây là các đạo luật quy định trực tiếp về quyền tự do kinh doanh, đầu tư, hoạt động thương mại của các chủ thể kinh doanh. Trên cơ sở các đạo luật này, quyền tự do kinh doanh tiếp tục được cụ thể hóa trong các văn bản dưới luật. Hệ thống các văn bản pháp luật về quyền tự do kinh doanh xác định năng lực pháp luật của các chủ thể kinh doanh. Đến lượt mình, các chủ thể kinh doanh trên cơ sở quyền tự do kinh doanh mà pháp luật cho phép và bằng hành vi của mình đã chuyển hóa các khả năng pháp lý đó thành thực tế thông qua các hình thức như điều lệ doanh nghiệp hoặc hợp đồng kinh doanh.

3. Quyền tự do kinh doanh của công dân và việc thực hiện chức năng, vai trò kinh tế của Nhà nước: sự lựa chọn mô hình nhà nước thuế hay nhà nước kinh tế?

Trong mối quan hệ với các chủ thể khác Nhà nước thường tồn tại với hai tư cách: Nhà nước là tổ chức đại diện cho quyền lực công và Nhà nước là người chủ sở hữu đối với các tư liệu sản xuất chủ yếu, trước hết là các tài sản được quy định trong Điều 17 Hiến pháp 1992. Với hai vai trò này, có thể nói Nhà nước là tổ chức có quyền lực và tiềm lực kinh tế mạnh nhất mà các chủ thể khác không thể so sánh được. Vì vậy, sự bất cân xứng trong quan hệ giữa Nhà nước và các chủ thể khác, trước hết là trong lĩnh vực kinh tế, dường như là không tránh khỏi.

Nhà nước là một thực thể sống. Để tồn tại và nhất là để tổ chức, lãnh đạo và điều khiển xã hội theo các định hướng và mục tiêu của mình thì bên cạnh các công cụ quyền lực nhà nước mang tính truyền thống

như pháp luật, bộ máy cưỡng chế... Nhà nước cần phải có trong tay những phương tiện tài chính cần thiết. Các phương tiện tài chính này được tồn tại dưới hình thức là các khoản thu của Nhà nước. Trong các khoản thu của Nhà nước, thu từ thuế có vai trò quan trọng. Không có thu nhập từ thuế thì chắc chắn Nhà nước sẽ không có đủ tài chính để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Ngoài ra, thuế và các khoản thu khác còn là phương tiện của chính trị để điều tiết sự liên kết mang tính toàn cầu trong lĩnh vực kinh tế, tác động vào đời sống cá nhân và xã hội theo cách khấu trừ một phần thu nhập người dân hay thu lệ phí, phí đối với người sử dụng dịch vụ công.

Ở nhiều Nhà nước, trong đó có Nhà nước Việt Nam, trong cơ cấu các khoản thu ngân sách thì thuế được xác định là những nguồn thu chính⁸. Do tài chính nhà nước phụ thuộc và dựa chủ yếu vào thu từ thuế⁹ nên năm 1895 lần đầu tiên nhà kinh tế học Albert Schäffle đã sử dụng thuật ngữ “Nhà nước thuế”¹⁰. Tuy nhiên, cách sử dụng ngôn ngữ như vậy không diễn tả Nhà nước thuế là một kiểu Nhà nước mới khác với các kiểu Nhà nước đã tồn tại cho đến nay trong lịch sử như Nhà nước chiếm hữu nô lệ, Nhà nước phong kiến, Nhà nước tư sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước thuế không phải là một nhà nước của một hình thái kinh tế xã hội mới, bởi trong nội hàm của nó không có những yếu tố và nội dung của một kiểu nhà nước. Nhà nước thuế cũng không phải là yếu tố mới của hình thức nhà nước hay là một trong những yếu tố truyền thống của hình thức nhà nước như: hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị.

⁸ Xem khoản I Điều 4 Luật Quản lý thuế của Quốc hội số 78/2006/QH11, ngày 29/11/2006.

⁹ Do thuế chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số thu từ thuế, phí và lệ phí. Tuy nhiên, các khoản thu từ thuế, phí và lệ phí không phải luôn được phân biệt một cách rõ ràng. Có những khoản thu ở quốc gia này thì được gọi là thuế, nhưng ở quốc gia khác thì xếp vào loại thu là phí.

¹⁰ Hans-Peter Ullmann, *Der deutsche Steuerstaat. Geschichte der öffentlichen Finanzen* (Beck'sche Reihe 1616), Verlag C.H. Beck, München 2005, tr. 7.

⁷ Các luật được dẫn ra ở trên được sắp theo năm ban hành và tên gọi của chúng được giữ nguyên với tên gọi ở thời điểm được ban hành. Đến nay, nhiều Luật trong số các đạo luật trên đã được bổ sung, sửa đổi hoặc bị hủy bỏ, được thay thế bằng luật khác.

Theo lý luận chung về nhà nước và pháp luật, hình thức chính thể của Nhà nước xác định Nhà nước đó là Nhà nước cộng hòa hay quân chủ; hình thức cấu trúc cho thấy Nhà nước đó là đơn nhất hay liên bang; chế độ chính trị diễn tả tính dân chủ của Nhà nước (dân chủ hay không dân chủ). Qua những dấu hiệu và đặc tính đã đề cập ở trên của Nhà nước thuế chúng ta thấy Nhà nước thuế không phải là một yếu tố mới của hình thức nhà nước và cũng không phải là một trong những yếu tố truyền thống của hình thức nhà nước. Nói chính xác hơn, Nhà nước thuế chỉ là cách thức tổ chức thực hiện chức năng kinh tế của Nhà nước. Nhà nước thuế có thể tồn tại ở bất cứ chính thể nào (cộng hòa hay quân chủ) hay dưới hình thức cấu trúc nào, nhưng chắc chắn nó không phải nhà nước doanh nghiệp hay nhà nước quản lý kinh tế theo kiểu tập trung¹¹. Theo đó, thay cho việc tự tiến hành các hoạt động kinh tế thì Nhà nước thuế tài chính hóa nhiệm vụ của mình bằng việc dự phần vào các kết quả của hoạt động kinh tế tư nhân¹². Ý tưởng này xuất phát từ nhận thức, rằng sự độc lập có tính nguyên tắc của các quyết định chỉ với quyết định thu xảy ra cùng với việc tài chính hóa thông qua thuế và đối với thuế thì điều này có nghĩa là Nhà nước kiếm được thu nhập mà không cần phải thực hiện nghĩa vụ đáp lại mang tính chất kinh tế. Trong việc thu thuế Nhà nước chỉ tham gia vào một phần tiềm lực kinh tế của người nộp thuế và trong việc thực hiện chức năng kinh tế như vậy Nhà nước vẫn giữ được sự độc lập đối với quyền lực tài chính của các chủ thể kinh tế tư¹³.

Việc đánh giá một Nhà nước có phải là Nhà nước thuế đích thực hay không không chỉ dựa vào tiêu chí thuế là nguồn thu thường xuyên, ổn định và luôn chiếm tỷ trọng lớn

trong tổng thu ngân sách nhà nước mà còn căn cứ vào sự tách rời giữa Nhà nước và kinh tế¹⁴. Về nguyên tắc Nhà nước thuế tồn tại không như người cạnh tranh mà tạo ra cho khu vực kinh tế tư những điều kiện cần thiết để nó hoạt động có hiệu quả¹⁵. Ở đây, nhà nước thuế sống như “ký sinh trùng” của kinh tế tư nhân mà lực lượng theo đuổi của kinh tế đó là lợi ích tư của các chủ thể kinh tế¹⁶.

Trong Nhà nước thuế, nhu cầu tài chính của Nhà nước về nguyên tắc không được trang trải qua thu nhập từ hoạt động kinh tế, bán tài sản của Nhà nước, chuyển giao có thu tiền các quyền tối cao hoặc vay nợ¹⁷. Nói cụ thể hơn, Nhà nước thuế tài chính hóa các khoản chi của mình chủ yếu bằng các nguồn thu mà ở trong các nguồn thu đó thu nhập thuế và cân đối thu nhập thuế đặt lên hàng đầu. Điều này khác với Nhà nước kinh tế vì Nhà nước này đạt được thu nhập chủ yếu qua khai thác, sử dụng đất đai và công sản, sản xuất ... Trong sự phân chia thu nhập của Nhà nước thuế cho các cấp quản lý thường không chú ý đến các khoản thu từ phí và lệ phí, vì sự phân chia các khoản thu này sẽ là không chính đáng bởi phí và lệ phí thường ràng buộc với các hoạt động quản lý và vì vậy thường thuộc về cấp chính quyền mà công chức, viên chức của cấp đó có thẩm quyền, nhiệm vụ và cùng với đó chịu các gánh nặng tài chính. Khác với các khoản thu từ thuế, các khoản thu từ phí và lệ phí được thu phụ thuộc vào công việc hay dịch vụ được cung cấp và không được sử dụng để trang trải các nhu cầu tài chính chung của Nhà nước¹⁸. Do đó, nếu

¹⁴ Chẳng hạn như Nhà nước Đức. Chi tiết xem K. Vogel, tài liệu đã dẫn ở trên, từ đoạn 69.

¹⁵ Palm, trong Umbach, Dieter C./ Clemens, Thomas/ Dollinger, Franz-Wilhelm (Herausgeber), Bundesverfassungsgesetz, Mitarbeiterkommentar und Handbuch, 2. Auflage, Heidelberg 2005, đoạn 10.

¹⁶ Goldscheid - Schumpeter, Die Finanzkrise des Steuerstaates, 1976, tr. 341 và 330.

¹⁷ Stefan Koriath, Der Finanzausgleich zwischen Bund und Ländern, Tübingen 1997, tr. 54.

¹⁸ So sánh: Heintzen, trong Münch, Ingo v. (Begründer)/ Kunig, Philip (Herausgeber): Grundgesetz-Kommentar, Band 3 (Art. 70 bis 146), 5. Auflage, München 2003, Điều 105, các đoạn 20 và từ 24.

¹¹ So sánh, Arndt Schmehl, Das Äquivalenzprinzip im Recht der Staatsfinanzierung, Finance, Public, 2004 tr. 86.

¹² K. Vogel, Finanz - und Steuerstaat, trong J. Isensee/P. Kirchhof (Chủ biên), Handbuch des Staatsrechts der Bundesrepublik Deutschland, Tập I, Grundlagen von Staat und Verfassung, Heidelberg 1987, Chương 27, đoạn 53 và 59.

¹³ Arndt Schmehl, tài liệu đã dẫn ở trên, tr. 86-87.

như các khoản thu của Nhà nước từ thuế không đủ để trang trải chi phí cho việc hoàn thành các nhiệm vụ đã được Quốc hội quyết nghị thì cần phải cân nhắc giảm bớt nhiệm vụ, chứ không nên tăng thu nhập nhà nước từ hoạt động kinh tế trong sự cạnh tranh với các chủ thể thanh toán thuế¹⁹.

Một cách thức khác để tạo ra nguồn tài chính là Nhà nước tham gia vào các hoạt động kinh tế. Phương pháp này được áp dụng phổ biến trong các Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới cơ chế kế hoạch hóa. Khác với Nhà nước thuế mà ở đó Nhà nước không tham gia trực tiếp vào thu nhập của nền kinh tế quốc dân mà san sẻ bớt cơ hội đó cho tư nhân và đổi lại Nhà nước thu một phần thu nhập từ hoạt động kinh tế của họ, nhà nước kinh tế chú ý các hoạt động kinh tế như là một trong các phương thức kiếm thu nhập chính. Đối với Nhà nước ta, hoạt động kinh tế cũng là phương thức kiếm thu nhập không thể từ bỏ²⁰ bởi quy mô của nền kinh tế nước ta vẫn còn nhỏ và đến nay Nhà nước vẫn chưa thể trang trải nhu cầu chi của mình nếu chỉ bằng các phương tiện tài chính đạt được từ các khoản thu từ thuế, phí và lệ phí. Như vậy, để thực hiện được các nhiệm vụ đa dạng thì Nhà nước không chỉ dựa vào thuế mà cần phải tìm kiếm các cách thức thu khác nhau, trong đó có hoạt động kinh tế. Mặt khác, thông qua sự tham gia trực tiếp vào quá trình kinh tế, Nhà nước có thể tác động đến hoạt động kinh tế của tư nhân và hướng chúng theo mục đích của mình. Ngoài ra, Nhà nước ta có thể tiến hành các hoạt động kinh tế

riêng, bởi Nhà nước hiện nắm trong tay những phương tiện sản xuất quan trọng nhất. Tất nhiên để thực hiện được mục tiêu tài chính và định hướng phát triển kinh tế thì Nhà nước cần phải giải quyết các xung đột lợi ích tiềm tàng giữa ý muốn kiểm soát kinh tế vì lợi ích chung và khuynh hướng tự do chủ nghĩa của các hoạt động kinh tế tư nhân. Trong định hướng phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Hiến pháp nước ta xác định kinh tế quốc doanh được củng cố và phát triển, nhất là trong những ngành và lĩnh vực then chốt, giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân (Điều 15 và 19 Hiến pháp 1992). Theo nguyên tắc đó thì nền kinh tế quốc dân phải được đặt trọng tâm vào kinh tế nhà nước. Trên thực tế, kinh tế nhà nước hiện đang đóng góp quan trọng vào thu nhập của nền kinh tế. Việc nhấn mạnh vai trò của kinh tế nhà nước giúp lý giải tại sao việc sắp xếp lại và cải cách doanh nghiệp nhà nước ở nước ta đã diễn ra khó khăn hơn và chậm hơn so với các nước mà ở đó sở hữu tư nhân và cùng với đó là kinh tế tư nhân được đề cao, mặc dù trong thời gian qua Nhà nước đã nỗ lực tiến hành các biện pháp cải cách²¹.

Về mặt lý luận, có thể có sự nhận thức khác nhau về hai cách thức tìm kiếm thu nhập nói trên của Nhà nước. Tuy không thật chính xác nhưng có thể ví Nhà nước thuế giống như người chủ sở hữu của sân vận động, ngồi bán vé thu tiền, còn nhà nước kinh tế giống như cầu thủ bóng đá, phải ra sân đá bóng mới có thu nhập. Nhìn về hình thức cách kiếm tiền của người chủ sở hữu sân vận động có vẻ đơn giản hơn cách kiếm tiền của cầu thủ bóng đá. Do trong Nhà nước thuế không phải Nhà nước mà doanh nghiệp là chủ thể chính của nền kinh tế nên mô hình

¹⁹ Ulrich Hösch, Die kommunale Wirtschaftstätigkeit, Teilnahme am wirtschaftlichen Wettbewerb oder Daseinsvorsorge, tr. 133.

²⁰ Theo Điều 2 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/6/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước, các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước theo quy định của pháp luật, bao gồm: tiền thu hồi vốn của Nhà nước tại các cơ sở kinh tế; thu hồi tiền cho vay của Nhà nước (cả gốc và lãi); thu nhập từ vốn góp của Nhà nước vào các cơ sở kinh tế, kể cả thu từ lợi nhuận sau khi thực hiện nghĩa vụ về thuế của các tổ chức kinh tế có sự tham gia góp vốn của Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

²¹ Theo kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ đến năm 2005 có khoảng 40% doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa. Vốn của các doanh nghiệp được cổ phần hóa chỉ chiếm khoảng 16% tổng vốn của tất cả các doanh nghiệp nhà nước. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ 9 kỳ họp 9 của Ban Chấp hành trung ương Đảng, Hà Nội 2004, tr. 175.

này có thể nhận được sự ủng hộ của những người theo chủ nghĩa tự do kinh tế. Như là người sáng lập ra chủ nghĩa tự do kinh tế, Adam Smith cho rằng mọi người có thể tự do quyết định hành động của mình chừng nào hành động đó không gây hại cho người khác. Nhà nước chỉ được phép can thiệp vào tự do hành động của cá nhân với mục đích bảo vệ người dân của mình²². Như vậy, Nhà nước thuế bảo đảm tự do của cá nhân, vì việc làm và cùng với đó là hoạt động nghề nghiệp diễn ra độc lập với Nhà nước và các kế hoạch thu của Nhà nước. Trái lại, nếu cho phép tồn tại hoạt động kinh tế của các chủ thể gánh vác quyền tối cao thì sẽ thủ tiêu sự phân tách Nhà nước và xã hội và dẫn đến “nhà nước hóa xã hội”. Hoạt động kinh tế của Nhà nước có thể có ảnh hưởng, làm tê liệt sự sẵn sàng tiếp nhận các hoạt động nhất định của các chủ thể quyền công dân. Nó có thể dẫn đến sự cấm thực hiện hoạt động nghề nghiệp thực tế. Đồng thời phát sinh rủi ro là hoạt động này được tài chính hóa bởi các phương tiện thuế (trợ cấp). Vì vậy, hoạt động kinh tế của Nhà nước chỉ có thể được biện hộ nếu như người ta chấp nhận sự khuyến khích thịnh vượng chung một cách gián tiếp thông qua sự cung cấp lợi nhuận cho ngân sách như là sự thực hiện mục đích chung²³.

Hoạt động kinh tế trực tiếp của Nhà nước hạn chế khả năng hành động của lực lượng cạnh tranh tư nhân. Điều này có thể xảy ra qua quy định sáp nhập (liên kết) hay sử dụng bắt buộc, qua nghĩa vụ đóng góp tài chính hoặc qua giới hạn hoạt động. Về phương diện phân chia không gian hành

động giữa Nhà nước và công dân cần phải xuất phát từ một điều rằng, Nhà nước là người tổ chức thị trường, còn công dân là người tham gia thị trường. Như là người tổ chức thị trường trước hết Nhà nước phải cảnh giới thị trường bằng cách định ra và thực hiện việc cấm ràng buộc đối với các hoạt động cạnh tranh của người tham gia thị trường. Ngoài ra, với vai trò của người chăm sóc thị trường Nhà nước có trách nhiệm tạo ra sự bình đẳng về cơ hội cho người dân. Để thực hiện nhiệm vụ này Nhà nước cũng được phép tiến hành các hoạt động kinh tế, nhưng trong mối quan hệ giữa người tổ chức thị trường và người tham gia thị trường thì Nhà nước chỉ tham gia vào thị trường trên cơ sở pháp luật và khi các điều kiện pháp luật đã được tuân thủ. Mặt khác, sự thể hiện cụ thể của các hoạt động kinh tế của Nhà nước phải cân xứng với quyền tự do có liên quan của công dân. Yêu cầu này có lẽ xa lạ và thiếu thực tế đối với các Nhà nước quản lý nền kinh tế theo cơ chế tập trung. Trong thực hiện chức năng kinh tế của các Nhà nước, việc Nhà nước tham gia và tiến hành các hoạt động kinh tế trong các lĩnh vực mà tư nhân không làm là điều cần thiết và không có nhiều tranh cãi. Trái lại, sự tham gia của Nhà nước vào các hoạt động kinh tế có mục tiêu lợi nhuận được nhiều người tranh cãi. Trong trường hợp này Nhà nước sẽ trở thành người cạnh tranh với những người tham gia thị trường. Nhưng từ sự tách biệt Nhà nước với xã hội cho thấy rằng sự cạnh tranh về nguyên tắc chỉ nên diễn ra giữa các công dân²⁴, trong khi đó Nhà nước lại có vai trò của người tổ chức thị trường. Điều này muốn nói sự cạnh tranh giữa Nhà nước với công dân là bất cân xứng và không hợp lý.

Ngoài việc bảo đảm tốt hơn quyền tự do kinh doanh thì việc lựa chọn mô hình Nhà nước thuế còn có những lý do khác xuất phát từ hiệu quả hoạt động của mô hình nhà nước này trong sự so sánh với mô hình nhà nước

²² Xem Christina Hager/ Gerhard Hager (Redaktion), Arbeitsblatt INTERAKTIV, TOPIC Februar 2009, JUNGÖSTERREICH Zeitschriftenverlag Innsbruck tr. 2. hoặc trên trang Website http://www.lehrerservice.at/arbeitsbl/to_inter2_feb09.pdf. Về các quan điểm khác nhau về vai trò và chức năng xã hội của Nhà nước xem thêm: Đào Trí Úc, Nhà nước và Pháp luật của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 461.

²³ Ulrich Hösch, Die kommunale Wirtschaftstätigkeit. Teilnahme am wirtschaftlichen Wettbewerb oder Daseinsvorsorge, tr. 64 và Mục § 3 C. III. 2 a) của cuốn sách này.

²⁴ So sánh Wilfried Berg, Die wirtschaftliche Betätigung des Staates als Verfassungsproblem, in GewArch 1990, tr. 225.

kinh tế. Có thể có những đánh giá khác nhau về hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế nhà nước ở một số nước nhưng phần lớn các ý kiến đều cho rằng cần phải tăng cường hiệu quả của khu vực kinh tế nhà nước bởi khu vực này cho đến nay vẫn chưa cho thấy khả năng sử dụng hợp lý các nguồn lực công²⁵. Ở nước ta tỷ trọng các khoản thu từ khu vực kinh tế nhà nước trong tổng thu từ nội địa của ngân sách nhà nước năm 2007 ước đạt 33,8%²⁶. Tuy nhiên, số liệu này không hoàn toàn đồng nghĩa với hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, bởi các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ một phần lớn tài sản nhà nước²⁷ và độc quyền trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân. Có một thực tế mà hầu hết chúng ta đều nhận thấy là nhờ có đổi mới kinh tế và cùng với đó là việc áp dụng cơ chế thị trường, giảm bớt quy mô của kinh tế nhà nước, thừa nhận quyền tự do kinh doanh và khuyến khích phát triển khu vực kinh tế tư nhân thì nước ta đã không những thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, mà còn phát triển nhanh và có hiệu quả hơn so với mô hình kinh tế kế hoạch hóa, Nhà nước thiết lập và củng cố chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất nhằm thực hiện một nền kinh tế quốc dân chủ yếu có hai thành phần là thành phần kinh tế quốc doanh và thành phần kinh tế hợp tác xã (Điều 18 Hiến pháp 1980). Đồng thời Nhà nước giữ độc quyền về ngoại thương và mọi quan hệ kinh tế khác với nước ngoài (Điều 21 Hiến pháp 1980). Cơ chế quản lý như vậy đã không tạo ra những kích thích cần thiết để nâng cao hiệu quả và hiện

đại hóa sản xuất cũng như không phát huy được sự năng động, sáng tạo và tiềm năng, sức mạnh của nhân dân trong phát triển kinh tế. Trong các Nhà nước quản lý nền kinh tế theo kiểu tập trung khi Nhà nước nắm trong tay phần lớn nguồn lực xã hội thì Nhà nước trở thành người cung cấp chính các dịch vụ xã hội và đặt ra những tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu đối với đối tượng nhận dịch vụ. Thêm vào đó, nếu Nhà nước hoạt động không hoàn toàn theo quy luật thị trường thì Nhà nước có thể sẽ sử dụng và phân phối nguồn lực một cách duy ý chí. Trái lại, trong Nhà nước thuế do Nhà nước không bận rộn cạnh tranh với các chủ thể kinh doanh khác nên Nhà nước có thể tập trung vào thực hiện chức năng lãnh đạo, điều tiết, kiểm soát kinh tế. Tất nhiên cách thức lãnh đạo, điều tiết, kiểm soát kinh tế của Nhà nước trong điều kiện kinh tế thị trường và trước yêu cầu đảm bảo quyền tự do kinh doanh phải khác với việc thực hiện chức năng này trong cơ chế kế hoạch hóa. Sự lãnh đạo, điều tiết, kiểm soát của Nhà nước trong cơ chế thị trường không còn được thực hiện chủ yếu theo cách thức can thiệp trực tiếp, quy định các hành vi phải làm theo kiểu “bắt tay, chỉ việc” như trong nền kinh tế kế hoạch hóa.

Cạnh tranh làm cho hoạt động kinh tế có hiệu quả hơn và tác động này của cạnh tranh cũng chính là điều kiện tiên quyết cho việc thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước²⁸. Nếu nền kinh tế vận hành thiếu hiệu quả thì khó có đủ điều kiện vật chất để thực hiện an sinh và công bằng xã hội và ngược lại, hiệu quả kinh tế không thể bền vững nếu những yêu cầu cơ bản và hợp lý của an sinh và công bằng xã hội không được chú ý²⁹. Không thể phủ nhận rằng trong nền kinh tế kế hoạch hóa

²⁵ Chẳng hạn đối với nước Nga, xem R. Grinberg, Hiệu quả kinh tế của kinh doanh và trách nhiệm xã hội của công ty, Tạp chí Xã hội và kinh tế, số 9/2006, tr. 9-18, người dịch Vũ Thị Xuân Mai, tr. 11 (bản dịch).

²⁶ Xem Bộ Tài chính, Ngân sách Việt Nam năm 2007, mục II 1, trên trang Website của Bộ Tài chính, địa chỉ: <http://www.mof.gov.vn/Default.aspx?tabid=5991&ItemID=50578>, ngày 30/01/2008.

²⁷ Thành phần kinh tế nhà nước quản lý khoảng 3/4 tổng tài sản của Nhà nước. Xem Trần Xuân Trường (Chủ biên), Một số vấn đề về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, Hà Nội 2000, tr. 142.

²⁸ So sánh R. Grinberg, tài liệu đã dẫn ở trên, tr. 8; Kurt Stockmann, Các chức năng của cạnh tranh và vấn đề bảo vệ cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường xã hội, in trong sách: Kinh tế thị trường xã hội – Hệ thống kinh tế dành cho các nước đang phát triển của Winfried Jung (Chủ biên), Người dịch: Nguyễn Thanh Thủy, Bùi Hà Nam, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 41.

²⁹ Kurt Stockmann, tài liệu đã dẫn, tr. 83.

nước ta và nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã đạt được nhiều thành tích trong việc thực hiện an sinh và công bằng xã hội. Tuy nhiên, hiệu quả kinh tế thấp của sản xuất không cho phép và đảm bảo cho Nhà nước duy trì được lâu chính sách xã hội theo kiểu bao cấp. Trong nền kinh tế chỉ huy, bao cấp Nhà nước là chủ thể tham gia thị trường nhưng không tạo ra được nhiều hàng hóa nên nhu cầu tiêu dùng và sự lựa chọn của người dân một mặt bị giới hạn và mặt khác làm cho chính sách xã hội của Nhà nước dần dần phải thực hiện theo kiểu bình quân chủ nghĩa. Trong nền kinh tế thị trường quyền tự do kinh doanh và cạnh tranh tác động và làm cho nền kinh tế hoạt động có hiệu quả hơn. Đến lượt nó, hiệu quả kinh tế nếu được nâng cao sẽ góp phần giúp Nhà nước xây dựng được hệ thống tài chính bền vững và cùng với đó có đủ phương tiện tài chính cần thiết để thực thi chính sách xã hội theo hướng công bằng và phát triển. Tất nhiên, khi thừa nhận tự do kinh doanh và cạnh tranh thì Nhà nước phải đấu tranh với mặt trái của kinh doanh là trốn thuế, bóc lột người lao động, vi phạm quyền lợi người tiêu dùng .v.v.

Trong đánh giá tính bền vững của hệ thống tài chính nhà nước³⁰ cần xuất phát từ một định đề là các khoản thu của ngân sách nhà nước trước hết phải đáp ứng được nhu cầu tài chính hóa các khoản chi cho thấy từ việc thực hiện nhiệm vụ của Nhà nước. Để Nhà nước luôn trong trạng thái hoàn thành được các nhiệm vụ của mình và có thể thích nghi với sự phát triển của nhu cầu chi thì hệ thống tài chính nhà nước phải dựa trên các nguồn thu ổn định và dồi dào. Hệ thống tài chính nhà nước chỉ có thể bền vững khi nó được kiến tạo không phải trên cơ sở của các khoản thu không mang tính chất thuế của

người dân (ví dụ như các khoản đóng góp), mà trên cơ sở các nguồn thu thuế. Ngoài ra, hệ thống tài chính nhà nước đó không chỉ đảm bảo các phương tiện tài chính cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ thường xuyên mà còn phải tính tới được cả nhu cầu tài chính luôn biến đổi theo sự đa dạng, sống động của nhiệm vụ và tăng lên cùng với thời gian. Ở đây các khoản thuế, phí, lệ phí cần được phát triển đồng thời cùng với sự phát triển của kinh tế. Bên cạnh những đòi hỏi về sự phát triển, ổn định và dồi dào, bền vững của hệ thống tài chính nhà nước thì các cấp chính quyền của Nhà nước phải được đảm bảo sự tự quyết tương đối trong thu ngân sách. Trong việc xác định phạm vi và cấu trúc các khoản thu ngân sách cần chú ý hài hòa lợi ích của Nhà nước (trước hết là lợi ích của các cấp chính quyền) và lợi ích của người có nghĩa vụ nộp tài chính. Sự hài hòa hóa lợi ích trong thu ngân sách theo phương châm “nuôi dưỡng nguồn thu” sẽ tạo ra các mối quan hệ tương xứng giữa người thụ hưởng (Nhà nước) và người có nghĩa vụ nộp tài chính và khuyến khích được sự tham gia tích cực của người có nghĩa vụ thuế vào các công việc chung của cộng đồng³¹. Một chính sách thuế chỉ coi trọng lợi ích của Nhà nước mà không hoặc ít chú ý đến lợi ích của người có nghĩa vụ nộp thuế thì sẽ không thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển. Thực tiễn thực thi thuế chuyển quyền sử dụng đất là một thí dụ minh chứng cho điều đó. Thuế chuyển quyền sử dụng đất với thuế suất cao (ở nước ta có lúc mức thuế suất của thuế này tới 20%) đã hạn chế hoạt động kinh doanh bất động sản và không khuyến khích người chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng thực hiện các nghĩa vụ hành chính (thủ tục chuyển nhượng, sang tên) và nghĩa vụ tài chính (trả nộp thuế hoặc kê khai giá chuyển nhượng thấp hơn giá thực tế). Như vậy, nếu hệ thống thuế của Nhà nước được thiết kế hợp lý với các nguồn thu dồi dào, bền vững và được

³⁰ Về các tiêu chí đánh giá tính bền vững của hệ thống tài chính cấp xã, xem: Nguyễn Đức Minh, *Die Verteilung der staatlichen Einnahmen auf die Kommunen in Deutschland und Vietnam* (Phân chia các khoản thu của Nhà nước cho xã ở Đức và Việt Nam), Bản tiếng Đức, Nxb. Frank & Timme Verlag für wissenschaftliche Literatur, Berlin 2007, từ tr. 292 đến tr. 295.

³¹ Chẳng hạn các khoản làm từ thiện hay đóng góp cho Quỹ xóa đói giảm nghèo của người kinh doanh được miễn thuế sẽ khuyến khích các nhà kinh doanh tham gia tích cực vào công tác xóa đói giảm nghèo.

quản lý chặt chẽ, không bị thất thu thuế và tham nhũng thì hệ thống thuế đó sẽ trở thành công cụ hữu hiệu giúp Nhà nước khai thác có hiệu quả các nguồn lực, điều tiết nền kinh tế và thông qua việc thực hiện chức năng xã hội sẽ phân chia kết quả hoạt động kinh doanh của xã hội một cách công bằng, bình đẳng.

Cũng giống như các mô hình tổ chức thực hiện chức năng khác của Nhà nước, Nhà nước thuế cũng có những hạn chế nhất định. Sự đối xử bình đẳng của tất cả các thể loại thu nhập có thể cản trở cạnh tranh, sự phát triển kinh tế và động lực sáng tạo và như thế thì có thể gây hại cho tổng thể nền kinh tế. Hơn nữa, sự điều chỉnh một cách chi tiết các lĩnh vực khác nhau do sự phức tạp và tổng hợp của chúng là nhiệm vụ khó giải quyết³². Ngoài ra, còn có lý do để sự phê phán Nhà nước thuế là bản thân Nhà nước thuế trên thực tế không làm ra của cải vật chất mà sống “tâm gửi” vào hoạt động kinh tế của các chủ thể kinh doanh. Do đó các khoản thiếu hụt trong chi của Nhà nước dễ được Nhà nước bù đắp bằng cách tăng thuế. Điều này sẽ tạo ra gánh nặng tài chính cho người dân. Sự gia tăng không ngừng của các khoản chi nhà nước, của gánh nặng thuế, của nợ nhà nước và lạm phát, nhất là trong hoàn cảnh khủng hoảng kinh tế đang có xu hướng diễn ra trên phạm vi toàn cầu như hiện nay, cũng như sự phát triển kinh tế trì trệ, sự gia tăng thất nghiệp và khoảng cách giàu nghèo ở nhiều Nhà nước thuế đã tạo sức ép cho chính sách tài chính của chính các Nhà nước đó và làm cho không ít người phải cân nhắc về mô hình nhà nước này khi muốn lựa chọn hay ủng hộ nó. Trong khoa học, tuy không dự báo về sự phá sản của Nhà nước thuế nhưng không ít người đã nói đến sự chấm dứt của một giai đoạn bùng nổ của Nhà nước thuế đã từng diễn ra trên phạm vi toàn cầu³³.

Những khó khăn khác mà không phải Nhà nước thuế nào cũng giải quyết được là việc kiến tạo được hệ thống thuế có khả năng kích thích sản xuất, kinh doanh phát triển; các cơ quan và công chức thu thuế có đủ năng lực chuyên môn, có đạo đức công vụ và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Đồng thời thu nhập từ thuế phải được quản lý chặt chẽ, được sử dụng có hiệu quả, hợp lý và phân chia công bằng.

Tóm lại, quyền tự do kinh doanh theo đúng nghĩa của nó chỉ có thể tồn tại trong nền kinh tế thị trường mà không thể có trong nền kinh tế kế hoạch hóa. Quyền tự do kinh doanh có thể tồn tại cả trong Nhà nước tổ chức nền kinh tế theo mô hình kinh tế thị trường hoặc trong mô hình Nhà nước thuế. Do Nhà nước thuế tiến hành các hoạt động kinh tế ở phạm vi và mức độ hạn chế hơn so với Nhà nước kinh tế nên giảm thiểu được sự đe dọa đối với cạnh tranh hiệu quả và cùng với đó tạo thuận lợi hơn cho người dân trong thực hiện quyền tự do kinh doanh của mình. Tổ chức thực hiện chức năng kinh tế của Nhà nước theo mô hình Nhà nước thuế không có nghĩa và đồng nhất với việc Nhà nước từ bỏ hoàn toàn sự quản lý hoặc phó mặc thị trường cho “bàn tay vô hình” điều khiển. Như chúng ta đã biết, để củng cố vị trí thống trị của mình thì không một giai cấp cầm quyền nào lại không chăm lo xây dựng và bảo hộ cơ sở kinh tế của mình³⁴. Vì vậy, trong mọi quốc gia Nhà nước nào cũng cần tiến hành các hoạt động kinh tế và điều tiết, can thiệp vào nền kinh tế. Sự can thiệp của Nhà nước đảm bảo cho thị trường vận động và phát triển ổn định, đúng định hướng chính trị của sự phát triển, hạn chế những khuyết tật vốn có của kinh tế thị trường. Tuy nhiên, trong Nhà nước thuế sự can thiệp vào các

(Xem tiếp trang 66)

³² Heinrich Weber-Grellet, *Steuern im modernen Verfassungsstaat: Funktionen, Prinzipien und Strukturen des Steuerstaats und des Steuerrechts*, Otto Schmidt Verlag, 2001, tr. 23.

³³ Chẳng hạn: Hans-Peter Ullmann, tài liệu đã dẫn ở trên, tr. 229.

³⁴ So sánh: Nguyễn Đức Bình, Tiếp tục một cách kiên định và sáng tạo con đường xã hội chủ nghĩa. Phần thứ ba của bài viết được đăng Tạp chí Cộng sản điện tử, số 119 năm 2006, truy cập và lấy về ngày 10/6/2009 từ địa chỉ của Tạp chí này: http://203.162.0.19:8080/show_content.pl?topic=3&ID=4603

Tại một số địa phương, nguồn đất được coi là của chính quyền cấp cho đồng bào (chủ yếu là cho các hộ mới tách) là đất của bố mẹ. Chính quyền đã vận động bố mẹ chia cho con cái từ diện tích đất đang thuộc quyền sử dụng của họ. Sau đó, chính quyền đã hợp thức hoá bằng việc cấp cho các hộ này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất đã được bố mẹ chia cho¹³. Nguồn thứ hai, dùng diện tích rừng còn lại chia cho các hộ gia đình chưa có đất hoặc có quá ít đất. Đây là một trong những nguyên nhân của tình trạng hầu như không còn rừng ở một số địa phương ở Tây Nguyên¹⁴. Nguồn

thứ ba - đó là diện tích đất thu hồi từ các công ty lâm nghiệp, các nông trường và đơn vị quân đội. Tuy nhiên, việc huy động vốn đất từ loại nguồn thứ ba này là rất khó khăn vì không ít các đơn vị đã chia đất cho người khác, đơn vị khác.

Như vậy, trong việc cấp đất mới cho đồng bào thiểu số tại chỗ một số chính quyền địa phương đã không thành công trong việc vận động đồng bào (ngoài bố mẹ ra) có nhiều đất “nhường cơm sẻ áo” cho người không có đất hoặc có quá ít đất.

¹³ Nếu chính quyền không vận động bố mẹ nhường cho các con thì sau này họ cũng được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất của bố mẹ.

¹⁴ Thí dụ: huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

(Tiếp theo trang 60 – Quyền tự do kinh doanh...)

hoạt động kinh doanh chỉ nên thực hiện ở những ngành, lĩnh vực, bộ phận của nền kinh tế mà ở đó cạnh tranh hiệu quả không tồn tại hoặc để bảo vệ và thúc đẩy các giá trị xã hội thì không thể giao phó cho tư nhân. Nhà nước có thể lãnh đạo, điều tiết, kiểm soát nền kinh tế theo cách tạo ra các hành lang, môi trường hay khung hành động. Nói một cách ẩn dụ Nhà nước tạo ra các “dòng sông” với hai bờ là giới hạn của pháp luật. Nhà nước không phải là người cắm lái mà là lực đẩy cho con thuyền và dòng nước chảy theo hai bờ của “dòng sông” đó. Tất nhiên, khoảng

cách hai bờ “dòng sông” phải đủ rộng và lực đẩy phải đủ mạnh để con thuyền và dòng nước trôi nhanh. Đồng thời, trong các “dòng sông” đó phải có các chỉ dẫn cảnh báo về những vị trí nguy hiểm mà các con thuyền cần phải tránh và có các quy định về sự tham gia giao thông cùng với các chế tài nghiêm khắc cho các con thuyền vi phạm³⁵. Về mặt xã hội, cùng với phát triển kinh tế, Nhà nước cần bảo vệ người dân, trong đó có bảo vệ người tiêu dùng, và thực hiện các chính sách bảo hiểm, an sinh xã hội, giảm bớt và hạn chế chênh lệch giàu, nghèo.

³⁵ Về cách thức điều chỉnh đối với các quan hệ kinh tế, xem thêm Đào Trí úc, sách đã dẫn ở trên, trang 465; về các định chế tổ chức, pháp luật về kinh doanh xem trong tài liệu đó, từ tr. 473 đến 477.